

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 18-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn C, sinh năm 1986; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1967 và bà Lư Thị S, sinh năm 1969; có vợ Châu Thị Thùy D, sinh năm 1985 và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05, ngày 03/01/2019.

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoài H, sinh năm 1989; tên gọi khác: H; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H,

sinh năm 1969; có vợ Lê Thị N, sinh năm 1991 và có 01 người con sinh năm 2013; **nhân thân:** Ngày 08/12/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong); tiền án: Không; tiền sự: 01 lần, ngày 20/12/2018 Công an huyện V xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền (nộp phạt xong ngày 18/02/2019); tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07, ngày 30/01/2019

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Lê Văn H, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1980

(Chị Nguyễn Thị Kim Q ủy quyền cho anh Lê Văn H theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2018)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Võ Văn Đ, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Lê Thị Mộng L, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Người làm chứng:

Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nguyễn Minh S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nguyễn Văn K, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Minh Y, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Phùng Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Bùi Xuân N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trần Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Hữu Nghĩa, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn C và Nguyễn Hoài H quen biết nhau từ trước, cả hai đã nhiều lần cùng nhau thực hiện hành vi lấy trộm tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Chiều ngày 18/3/2018, C và H cùng hẹn nhau đi uống cà phê ở huyện C, trong lúc uống cà phê H rủ C đi trộm gà bán lấy tiền tiêu xài, C đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 66F1 – 516.52, loại Wave anpha, màu đen đến rước C tại nhà trọ thuộc xã T, huyện C. Do Hận không biết đường nên giao xe cho C điều khiển chở H đi hướng xã T. Khi đến nhà của bị hại Lê Văn H thuộc ấp T, xã T, cả hai thấy nhà còn sáng đèn nên C đậu xe cách nhà khoảng 30 mét chờ, H đi vào nhà quan sát thấy có 01 xe mô tô loại SIRIUS FI, nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ đen, biển số 66N1-212.06. Hận quay ra bàn bạc với C lấy xe, C đồng ý. Sau đó H đi vào nhà lên lút dẫn xe trên, có gắn sẵn chìa khoá đến vị trí của C đậu xe, rồi cả hai điều khiển xe về nhà trọ của C cất giấu, H điều khiển xe Wave về nhà. Đến khoảng 3 ngày sau, C chia cho H 1.500.000đồng để C lấy xe trộm sử dụng, H đồng ý nhận tiền và nói với C là có quen người tên T (không rõ nhân thân, lý lịch) làm giả giấy tờ xe và biển số giả với giá 2.000.000đồng, C đồng ý đưa cho H 2.000.000đồng làm giả giấy đăng ký xe và biển số 67L1-790.39 tên Nguyễn Hải L, ngụ: ấp N, xã Nỹ, huyện C. Đến khoảng tháng 11/2018, C bán xe mô tô trên cho Võ Văn Đen, sinh năm: 1989, ngụ ấp L, xã P với giá 12.000.000đồng.

Tang vật thu giữ:

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn đỏ đen, số khung 1710FY015609, số máy E3T6E021028 **đứng tên sở hữu Lê Văn Hành**; 01 biển số 67L1-790.39; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-790.39 tên chủ xe Nguyễn Hải L; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn đen, biển số 66F1 – 516.52 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe trên do Nguyễn Hoài H đứng tên sở hữu xe.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản **số 04** ngày **17/12/2018** của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tam Nông kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn đỏ đen, số khung 1710FY015609, số máy E3T6E021028 có giá trị 15.600.000đồng.

Lần 2: Khoảng 21 giờ ngày 16/11/2018, C điện thoại cho H rủ lên nhà trọ K thuộc khóm k, thị trấn T chơi, tại đây C rủ H qua huyện T, tỉnh Long An trộm gà bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển số 66F1 – 516.52, loại Wave anpha, màu đen chở H ngồi sau, khi đến ấp G, **xã H**, huyện T thì cả hai phát hiện có một nhà còn đèn chiếu sáng, bên trong nhà có 01 xe mô tô loại SIRIUS FI, nhãn hiệu YAMAHA, **màu đen**, biển số 62C-092.50, C dừng xe cách nhà khoảng 30 mét, H đi bộ vào nhà đến chiếc xe mô tô lấy 01 cặp học sinh rồi trở ra đưa cho C, H tiếp tục đi vào nhà đến đầu tủ cách vị trí đậu xe khoảng một mét lấy chìa khoá xe gắn vào xe rồi lên lút dẫn xe từ trong nhà ra sân, do sân thấp hơn mặt đường nên C xuống đẩy xe phụ Hận

đến vị trí C đậu xe. Lúc này H mở khoá xe vừa trộm được thì phát ra tiếng hú báo động, nên không khởi động xe vì sợ bị phát hiện, C điều khiển xe Wave đẩy xe trộm cho H điều khiển về nhà trọ của C cất giấu. Do sợ bị phát hiện nên C tháo biển kiểm soát xe, bộ báo động chống trộm bỏ, tháo 02 kính chiếu hậu để trong nhà trọ. Đến ngày 18/11/2018, H đến nhà trọ của C lấy cấp học sinh về sử dụng và thoả thuận với C giá xe trộm là 3.000.000đồng, C đưa cho H 1.500.000đồng để lấy xe. Đến ngày 20/11/2018 thì Công an huyện T mời làm việc.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn **đen xanh**, số khung FC40FY032828, số máy 1FC4032829, không gắn biển số; 02 kính xe mô tô màu đen (trong đó có 01 kính bị nứt) đứng tên sở hữu **Nguyễn Văn Trung**.

Căn cứ Kết luận định giá số **18 ngày 22/11/2018** của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Long An kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn đen xanh, số khung FC40FY032828, số máy 1FC4032829 giá trị 18.200.000đồng.

Tại Cáo trạng số: **12/CT-VKS-TN ngày 15 tháng 3 năm 2019** của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Phan Văn C và Nguyễn Hoài H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn C: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoài H: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Đối với chiếc xe mô tô của ông bị mất trộm trước đây, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông xong và ông cũng không yêu cầu gì đối với các bị cáo, ông xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Vợ chồng ông trước đây bị mất trộm chiếc xe mô tô, Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng ông xong và ông cũng không yêu cầu gì đối với các bị cáo, ông xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Trước đây anh có mua 01 chiếc xe mô tô do bị cáo C bán với giá 12.000.000đồng, khi mua anh không biết xe này bị cáo C trộm mà có. Đến khi công an điều tra mời làm việc anh đã trả xe lại và anh đã nhận lại đủ 12.000.000đồng của bị cáo C, anh không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo C.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mộng L có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Chị với bị cáo C chỉ quen biết chuyện tình cảm với nhau, việc bị cáo C với bị cáo H trộm cắp tài sản của người khác chị hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác có tổng giá trị 33.800.000đồng là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo [khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự](#).

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo C tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; có hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ đang mang thai và có một người con còn nhỏ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo H **tự nguyện bồi thường thiệt hại**; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; có hoàn cảnh gia đình khó khăn nghề nghiệp không ổn định theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng với các bị cáo: Phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Phan Văn C, về tội "*Trộm cắp tài sản*" mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài H, về tội "*Trộm cắp tài sản*" mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo C khai đang bị Công an huyện T bắt để điều tra hành vi trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian cùng với vụ án này nhưng trong quá trình điều tra bị cáo không khai nhận do sợ bị tội nặng hơn. Vì vậy, đối với hành vi bị cáo trộm tại huyện T không xem xét trong vụ án này.

Về dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn đen, biển số 66F1 – 516.52 kèm theo giấy đăng ký xe do bị cáo Nguyễn Hoài H đứng tên sở hữu, do bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 biển số 67L1-790.39; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-790.39, tên chủ xe Nguyễn Hải Long.

Đối với Võ Văn Đ không biết xe của bị cáo C là tài sản trộm cắp, bị cáo Cường đã trả lại số tiền 12.000.000đồng cho Đ, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với T không rõ nhân thân, lý lịch Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: **Tờ tự nhận ngày 30/01/2019 của bị cáo H; Tờ tự khai nhận ngày 16/12/2018 của bị cáo C; Bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 17/12/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Kết luận định giá số 18 ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Long An; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.**

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Giữa các bị cáo thực hiện vụ án là đồng phạm; tuy có thỏa thuận với nhau trước, nhưng không thuộc dạng phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, khi thống nhất ý chí thì cùng nhau thực hiện phạm tội chứ không có sự sắp xếp, phân công cụ thể, rõ ràng vai trò trước khi phạm tội.

Cụ thể trong vụ án này vai trò của các bị cáo như nhau. Khi thực hiện hành vi phạm tội lần 1 bị cáo H tham gia với vai trò chính, bị cáo đã rủ bị cáo Cường cùng thực hiện việc phạm tội; thực hiện hành vi phạm tội lần 2 bị cáo Cường tham gia với vai trò chính, bị cáo đã rủ bị cáo H cùng thực hiện việc phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút có tổng giá trị 33.800.000đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân các bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền sinh hoạt chi tiêu cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó thấy được ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo C tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; có hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ đang mang thai và có một người con còn nhỏ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo H **tự nguyện bồi thường thiệt hại**; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; có hoàn cảnh gia đình khó khăn nghề nghiệp không ổn định theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng với các bị cáo: Phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo H có nhân thân không tốt, khi xem xét hình phạt bị cáo H sẽ chịu hình phạt cao hơn bị cáo C. Tuy nhiên, trong vụ án này tổng giá trị tài sản trộm cắp là 33.800.000đồng nhưng bị cáo C chỉ giao cho bị cáo H 1.500.000đồng phần còn lại trách nhiệm của bị cáo C nên các bị cáo sẽ chịu hình phạt như nhau.

Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay. Hành vi của các bị cáo cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân các bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo C khai đang bị Công an huyện T bắt để điều tra hành vi trộm cắp tài sản trước đây trong khoảng thời gian cùng với vụ án này nhưng trong quá trình điều tra bị cáo không khai nhận do sợ bị truy cứu trách nhiệm nặng hơn. Do đó, đối với hành vi bị cáo trộm cắp tài sản tại huyện Tân Hồng không xem xét trong vụ án này.

[6] Về vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn đỏ đen, số khung 1710FY015609, số máy E3T6E021028, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Lê Văn H nên không xem xét.

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius FI, màu sơn **đen xanh**, số khung FC40FY032828, số máy 1FC4032829, không gắn biển số; 02 kính xe mô tô màu đen, trong đó có 01 kính bị nứt, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Nguyễn Văn T nên không xem xét.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn đen, biển số 66F1 – 516.52, giấy đăng ký xe do bị cáo Nguyễn Hoài H đứng tên sở hữu. Xét thấy tài sản này bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

01 biển số 67L1-790.39; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-790.39, tên chủ xe Nguyễn Hải L. Xét thấy vật chứng này **là giấy làm giả** không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong và cũng không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với Võ Văn Đ không biết xe của bị cáo C bán là tài sản trộm cắp nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Đối với số tiền 12.000.000đồng bị cáo C đã trả lại cho anh Đ và anh Đ không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[10] Đối với T không rõ nhân thân, lý lịch, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn C và Nguyễn Hoài H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. *Tịch thu sung công quỹ Nhà nước*: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn đen, biển số 66F1 – 516.52, giấy đăng ký xe do bị cáo Nguyễn Hoài Hận đứng tên sở hữu.

2.2. *Tịch thu tiêu hủy*: 01 (một) biển số 67L1-790.39; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-790.39, tên chủ xe Nguyễn Hải Long.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày **18/3/2019**).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoài H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông